

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18 – 10 – 2017.

V/v Tranh chấp xin ly hôn
và chia tài chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Đoàn

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Vĩnh
Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Thạch Hoàng Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp Cái Giá, xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Trương Kim Â, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Cái Giá, xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo nguyên đơn chị Trần Thị Kim T, trình bày: Chị và anh Trương Kim Â xây dựng hôn nhân với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Trong cuộc sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, đặc biệt về kinh tế anh Â đi làm không chăm lo cho cuộc sống của gia đình mà chủ yếu lo cho gia đình cha mẹ ruột anh Â. Bên cạnh đó do tính cách anh chị không hợp nhau nên cũng thường xuyên gây tranh cãi, Ngoài ra, anh Â thường còn dùng nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự chị, đem chuyện vợ chồng kể cho đồng nghiệp nghe. Với những mâu thuẫn trên, chị và anh Â đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm giải pháp hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nhưng vẫn không thống nhất được quan điểm sống nên mới dẫn đến ly thân gần 1 tháng nay. Về tài sản chung có được số vàng cưới cha mẹ chồng cho bao gồm: 07 chiếc vòng, hơn 05 chỉ vàng 18k;

01 đôi bông 8,2 phân vàng 18k; 01 cặp nhẫn cưới khoảng 6 phân vàng 18k (chị đang giữ một chiếc nhẫn). Số vàng này chị đang giữ. Ngoài ra khi đám cưới gia đình chồng có cho nhà chị 10.000.000 đồng để làm tiệc đãi nhà trai. Khi ban hòa giải áp hòa giải vụ việc, gia đình chồng chị đòi lại số tiền này nhưng chị cho rằng đây không phải là tài sản chung nên không đồng ý trả. Hơn nữa số tiền này cũng đã sử dụng để làm cỗ đãi đàn trai nên không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Âm, anh chị chưa có con chung. Về tài sản chung chị yêu cầu chia đôi. Vợ chồng chị không có nợ chung nên không đặt ra yêu cầu gì.

- Bị đơn anh Trương Kim Â trình bày: Anh thống nhất nội dung chị T trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung. Hiện anh chị chung sống không hạnh phúc, đã qua nhiều lần hàn gắn nhưng kết quả vẫn không đoàn tụ được. Anh chị đã sống ly thân gần 1 tháng nay.

Về tài sản chung có được số vàng ba mẹ ruột anh cho trong ngày cưới bao gồm: 07 chiếc vòng, hơn 05 chỉ vàng 18k (không nhớ cụ thể); 01 đôi bông 8,2 phân vàng 18k; 01 cặp nhẫn cưới khoảng 6 phân vàng 18k (anh đang giữ một chiếc nhẫn). Vàng cưới chị T đang quản lý. Ngoài ra còn số tiền nạp tài cho bên nhà gái là 10.000.000 đồng. Sau đám cưới chị T không cho anh quan hệ vợ chồng nên anh có yêu cầu chị T trả lại cho anh số vàng nêu trên và 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý cho đến phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không phát hiện vi phạm.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Â không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Â là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về tài sản: Có căn cứ xác định anh chị có các tài sản chung gồm 1 bộ vòng 7 chỉ vàng 18k, 1 đôi bông tai 8 phân 2 ly vàng 18k, 1 cặp nhẫn cưới 6 phân vàng 18k. Anh Â có yêu cầu phản tố đòi chị T phải trả lại toàn bộ số tài sản trên là chưa đủ căn cứ, vì đây là tài sản chung của vợ chồng, chỉ có cơ sở chấp nhận chia tài sản chung là 1 bộ vòng 7 chỉ vàng 18k, đôi bông tai là tư trang đặc trưng riêng của người phụ nữ nên cần giao lại cho chị T tiếp tục quản lý, sử dụng. 01 cặp nhẫn cưới mỗi người giữ 1 chiếc nên được giữ nguyên. Tại phiên tòa anh Kim Â rút lại yêu cầu đòi 10.000.000 đồng tiền chợ nên được chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh Â. Tại phiên tòa anh Â đặt ra yêu cầu đòi lại 1 chỉ vàng 24k là không có cơ sở, vì không nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Về con chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Chị Trần Thị Kim T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trương Kim Á cư trú tại ấp Cái Giá, xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Trương Kim Á xác định anh chị xây dựng hôn nhân với nhau, làm đám cưới vào ngày 25/3/2017, ngày 20/02/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội. Đây được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T cho rằng hôn nhân của anh chị là do cha mẹ gợi ý, chị đồng ý làm vợ anh Kim Á nhưng khi về sống chung thì không phù hợp, anh Á không lo cho chị, còn lấy chuyện quan hệ vợ chồng đi kể cho người khác nghe, ngoài ra còn dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị và gia đình chị nên chị không thể chấp nhận, chị yêu cầu xin ly hôn. Anh Kim Á cho rằng sau khi cưới nhau chị T không cho anh quan hệ vợ chồng nên anh chị có cự cãi, mâu thuẫn và sống ly thân với nhau hơn 3 tháng nay. Chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân trong cuộc sống chung vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng cùng thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo dựng gia đình hạnh phúc làm nền tảng cho xã hội phát triển. Nhưng ở đây mối quan hệ hôn nhân của anh chị là do cha mẹ gợi ý, mặc dù anh chị tự nguyện kết hôn với nhau, nhưng thời gian tìm hiểu nhau không nhiều, chưa thật sự hiểu nhau, chưa sẵn sàng chuẩn bị tốt các điều kiện để sống cuộc sống vợ chồng nên khi anh chị về chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không phù hợp, mâu thuẫn này càng trầm trọng hơn khi anh Kim Á và chị Kim T có những lời lẽ xúc phạm nhau, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng của anh chị. Tại phiên tòa hôm nay chị Kim T yêu cầu xin ly hôn, anh Kim Á đồng ý. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Kim T và anh Kim Á không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kim T đối với anh Kim Á.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị Kim T và anh Trương Kim Á chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Kim T và anh Trương Kim Á thống nhất trong ngày cưới gia đình cha mẹ hai bên có cho anh chị các tài sản gồm: 07 chiếc vòng, 05 chỉ vàng 18k; 01 Đôi bông tai 8 phân 2 ly vàng 18k; 01 cặp nhẫn cưới khoảng 6 phân vàng 18k (chị T, anh Á mỗi người giữ một chiếc nhẫn), ngoài ra không còn tài sản nào khác. Anh chị thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn chị Thảo đồng ý chia theo quy định pháp luật. Anh Á có yêu cầu phản tố đòi chị T phải trả hết các tài sản trên cho anh. Theo quy định tại khoản 2, Điều 59 luật Hôn nhân và gia đình quy định tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Các tài sản trên chị T đang quản lý, đối với nhẫn cưới anh chị đồng ý nhận hiện vật, chị Thảo, anh Á mỗi người đang giữ 01 chiếc nên giữ nguyên hiện trạng. Đối với một đôi bông tai anh Kim Á yêu cầu chị T trả lại cho anh là không có cơ sở vì đây là tài sản

đặc trưng của người phụ nữ khi có chồng. Theo phong tục truyền thống thì đôi bông tai là tư trang gắn liền với người con gái sau khi có chồng nên việc anh Kim Á đòi lại là không được chấp nhận. Do vậy tài sản hiện nay chị T đang quản lý là bộ vòng 5 chỉ vàng 18k mà anh chị đã thừa nhận nên chị T phải có nghĩa vụ trả giá trị 2,5 chỉ vàng 18k cho anh Kim Á bằng tiền. Giá vàng 18k hiện nay trên thị trường (tham khảo giá nguồn internet) là 27.228.000 đồng/1 cây vàng. 01 chỉ vàng 18k bằng 2.722.800 đồng x 5 chỉ là 13.614.000 đồng, được chia đôi mỗi người 6.807.000 đồng, do chị Kim T đang quản lý nên chị T phải có nghĩa vụ trả giá trị cho anh Kim Á là 6.807.000 đồng.

Đối với số tiền anh Kim Á cho rằng trong ngày cưới gia đình anh cho gia đình chị Thảo 10.000.000 đồng để làm đám cưới, theo phong tục tập quán tại địa phương thì khi đám cưới gia đình bên trai sẽ cho gia đình bên gái một khoản tiền phụ giúp để trang trải trong đám cưới, tại phiên tòa anh Kim Á thừa nhận số tiền trên đã cho gia đình chị T để phụ làm đám cưới và đã sử dụng hết số tiền trên, đồng thời anh xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền này nên Tòa án chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu phân tố của anh Á đối với chị T đòi số tiền 10.000.000 đồng. Về 01 chỉ vàng 24k anh Á yêu cầu tại phiên tòa là không chấp nhận do anh không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Kim T và anh Trương Kim Á xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng, án phí chia tài sản chung, chị T được nhận 6.807.000 đồng + 816.840 đồng (giá trị chiếc nhẫn cưới) = 7.623.840 đồng x 5% án phí là 381.192 đồng. Tổng số tiền án phí chị T phải chịu là 681.192 đồng, anh Kim Á phải chịu án phí đối với tài sản được chia là 381.192 đồng.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 24; Điểm a, b khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Trương Kim Á.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Kim T và anh Trương Kim Á chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Không chấp nhận việc đòi lại đôi bông tai 06 phân vàng 18k mà anh Kim Á đã cho chị Trần Thị Kim T.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Kim T và anh Trương Kim Á xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản chung: Giao cho chị Trần Thị Kim T 1 bộ vòng 7 chiếc bằng 5 chỉ vàng 18k và 01 chiếc nhẫn cưới (khoản 3 phân), số tài sản trên chị T đang quản lý nên được giữ nguyên. Buộc chị Trần Thị Kim T có nghĩa vụ giao trả cho anh Trương Kim Â giá trị 2,5 chỉ vàng 18k là 6.807.000 đồng. Anh Â được nhận 1 chiếc nhẫn cưới 3 phân vàng 18k, hiện nay anh đang quản lý, được giữ nguyên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu phản tố của anh Trương Kim Â đòi chị Trần Thị Kim T trả số tiền 10.000.000 đồng.

7. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và án phí chia tài sản chung: Chị Trần Thị Kim T phải chịu số tiền 681.192 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004435 ngày 17/8/2017 chuyển thu án phí, chị Thảo còn phải nộp thêm 381.192 đồng. Anh Trương Kim Â phải chịu 381.192 đồng, anh đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004478 ngày 21/9/2017, anh Â còn phải nộp thêm 81.192 đồng, nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b)
- VKSND huyện Vĩnh Lợi (1b)
- CC THADS huyện Vĩnh Lợi (1b)
- Đương sự (3b)
- UBND Vĩnh Hưng (1b)
- Lưu hồ sơ, tòa (2b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Đoàn